

CHÙA PHẬT TÍCH, CHÙA DẠM -

Di tích nghệ thuật tiêu biểu thời Lý ở Bắc Ninh

NGUYỄN VĂN DẮP*

Gần nghìn năm đã qua, triều đại Lý chỉ còn là vấn đề lịch sử, các kiến trúc huy hoàng của thời này đã bị tàn phá một cách khốc liệt dưới sự xâm lược của phương Bắc vào đầu thế kỷ XV. Tất cả chỉ còn lại phế tích, cùng một số hiện vật về gốm và đá... Quá ít ỏi với thực tế lịch sử đã ghi lại, song cũng đủ để chúng ta nhận định về một thời kỳ.

Khi nói tới Bắc Ninh là nói tới một trong không nhiều vùng có nền văn hoá nghệ thuật phát triển rực rỡ nhất trong thời kỳ trung cổ, một nền kiến trúc, điêu khắc gỗ, gốm và đá tuyệt khéo có ở nhiều công trình di tích lịch sử - văn hoá.

Trải trường kỳ lịch sử và phát triển, Bắc Ninh đã là trung tâm chính trị, quân sự, trung tâm văn hoá Phật giáo của nước ta. Chùa tháp thời Lý ở Bắc Ninh, tuy được xây cất ở nhiều nơi với quy mô to lớn, bề thế nhưng đến nay chỉ còn gặp được hai chùa tiêu biểu, là chùa Phật Tích (xã Phật Tích, huyện Tiên Du) và chùa Dạm (xã Nam Sơn,

huyện Quế Võ).

1 - Chùa Phật Tích có tên chữ là Vạn Phúc tự, nằm trên núi Phật Tích (hay còn gọi là núi Lạn Kha). Vị trí cảnh quan chùa rất đẹp, phía trước là dòng sông Đuống, phía sau là dải Nguyệt Hằng nhấp nhô. Đây là một công trình kiến trúc nghệ thuật nổi tiếng thời Lý, đã được ghi lại trong bia đá cũng như trong sử sách, nói rõ về quy mô to lớn và rực rỡ của chùa.

Hiện nay, ở chùa cũng như ở Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh còn lưu giữ được những viên gạch có in dòng chữ "Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo", hoặc "Lý gia đệ tam đế Chương Thánh Gia Khánh thất niên tạo". Những dòng chữ này đã cho biết công trình được xây dựng vào thời vua Lý Thánh Tông, từ năm 1057 đến năm 1065. Sử cũ còn chép, năm 1129 dưới triều vua Lý Thần Tông, đã khánh thành 84 nghìn bảo tháp đất nung. Số lượng tháp khổng lồ đó được đem đặt ở nhiều nơi trong nước, nhưng trong nhiều truyện kể rằng, riêng ở Phật Tích đã đặt 8 vạn tháp. Vì vậy, dãy núi ở Phật Tích còn được mang tên là núi Bát Vạn.

* BẢO TÀNG BẮC NINH

Mặt bằng kiến trúc ở chùa Phật Tích thời Lý có quy mô to lớn, với 3 lớp nền, mỗi lớp có chiều rộng khoảng 60 m, chiều dài khoảng 100 m và chiều cao từ 3 m đến 5 m, được ghép đá làm bậc lên xuống. Hiện nay, vẫn còn những bức tường đá ghép khéo léo nhằm bảo vệ các tầng nền rất hiệu quả. Trên các lớp của mỗi nền chùa này, người xưa đã cho dựng lên nhiều toà ngang, dãy dọc, nhiều công trình hoành tráng, những "gác cao vẽ chim phượng và sao Ngưu, sao Đẩu sáng láng", những "cung quảng vẽ nhị hồng", những "cung điện vẽ san sát trong núi".

Vào tháng Chạp năm 1940, trong một lần khai quật, L. Bezacier đã tìm thấy "chân của cây tháp". Theo mô tả của ông, chân cây tháp dài 8,50 m, gồm những vạt tường dày 2,15 m, xếp bằng gạch có niên đại 1057. Dưới chân của những vạt tường này có một số bức chạm đá rất đẹp.

Năm 2003, trong lần đào năm hố thám sát của Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh ở vườn chùa cũng đã phát hiện ra nền móng của một công trình kiến trúc, trong nền móng đó cũng thấy một số viên gạch thời Lý, có niên đại 1057, được xây ở móng, do tận dụng gạch của thời Lý... Ngoài ra, hiện nay trong khu di tích còn lưu giữ một số hiện vật thời Lý là những tác phẩm điêu khắc đá dùng để trang trí kiến trúc và một số tác phẩm điêu khắc đá dùng trong kiến trúc xưa, mặc dù số lượng các tác phẩm nghệ thuật không còn nhiều, nhưng cũng đủ cho ta thấy được tài năng của cổ nhân. Trong đó, có thể thấy các điển hình sau:

- *Tượng Phật*: Được coi là sớm nhất của người Việt. Tượng được chia thành hai phần rõ rệt; phần tượng và bệ với chất liệu bằng đá xanh mịn. Hình tượng Phật được tạc kiểu kiết già, ngồi trên một toà sen, đặt trên bệ hình bát giác, toàn bộ cao xấp xỉ 3m, riêng tượng cao 1,84 m, bệ bát giác được chạm phủ kín bề mặt. Mặt đứng của cả hai tầng đều có hình rồng đuối nhau, trên một nền toàn vân xoắn, mặt nằm là hoa dây cách điệu có hình người nhỏ bé, phía dưới là những lớp sóng hình tam giác ken nhau. Thực ra pho tượng Phật này không còn hoàn chỉnh như thuở ban đầu, mà truyền lại từ thế kỷ XV, tượng đã bị quân Minh phá hoại. Để tới nay, đầu tượng thuộc phong cách cuối thế kỷ XVII, đầu thế

kỷ XVIII, với mồm nhỏ lại, môi dầy lên, đôi mắt hơi xếch, trên khuôn mặt đầy những khối căng đều khắc, khác xa so với tượng thời Lý ở Chương Sơn (Nam Định). Mặt khác, đài sen cũng được làm lại, vì vậy, nó không đỡ hết đầu gối của tượng. Nhưng những gì còn lại ở tượng này, với sự tạo tác trau chuốt và các chi tiết nuột nà đã cho thấy, đây là một tác phẩm điêu khắc tiêu biểu của đương thời, khẳng định tính chất cổ điển mẫu mực của nghệ thuật dân tộc ở giai đoạn đầu kỷ nguyên độc lập, tự chủ.

- *Tượng đầu người mình chim đánh trống*: Đây là những Kinnaras, bắt nguồn từ huyền thoại Ấn Độ. Linh vật này được cấu tạo từ ngực trở lên là người, từ ngực trở xuống là chim. Chúng có khuôn mặt đầy đặn hiền từ, bầu bĩnh, sống mũi cao miệng ngậm ẩn một nụ cười hàm tiếu, ngực nở, tay tròn mập, tóc được búi tròn, uốn lượn rất khéo; làn tóc trên trán và trên búi được điểm những hoa cúc nhỏ mãn khai. Phần mình chim với bộ lông mang tính tượng trưng, hai chân cứng khoẻ, móng cong nhọn, cánh chéo ra phía sau, đuôi, bụng và chân được diễn tả bằng những đường uốn cong mềm mại thường thấy trong các tác phẩm thời Lý.

Kinnaras đeo trống cơm, hai bàn tay mềm mại đang nhịp nhàng vỗ trên mặt trống. Dù dưới dạng nào đi chăng nữa thì mọi Kinnaras đều có tài tấu nhạc thiên thần để dẫn chúng sinh vào con đường của đạo pháp.

- *Hàng thú đá*: Nằm ở tầng nền thứ 2 của chùa, gồm năm đôi linh thú, như: Trâu, ngựa, voi, tê giác và sư tử xếp đối xứng nhau. Các con vật này đều nằm trên đài sen tạc từ một khối đá liền, chỉ riêng con trâu ở dãy bên phải ghép bằng hai khối đá. Những chi tiết; tai, đuôi, sừng... đều được chấp nhờ những lỗ mộng. Chúng đều có thân hình trụ phú, dáng khéo khấn, cao trung bình 1,2 m, chiều dài từ 1,5 m đến 1,8 m. Nghệ thuật điểm trên thân một số con thường là vân mây, cụm vân xoắn như biểu tượng cho tinh tú. Những linh vật này đều trong thế ngồi nghỉ tĩnh tại và ẩn chứa một tinh thần sâu xa về Phật đạo.

- *Chân tảng đá kê cột* cao 17 cm, mỗi cạnh dài 72 cm, mặt trên tạo đài sen tròn, trên mặt mỗi cánh sen đều có đôi rồng châu lá để thuộc phong cách thời Lý. Bốn mặt

đứng chạm giống nhau, với đề tài đoàn nhạc sĩ thiên thần gồm 10 người, đặt cân xứng hai bên đang đi trong động tác múa "vũ trụ" và sử dụng các nhạc cụ khác nhau. Người nào cũng ngửa mặt trong hình thức chiêm ngưỡng, thân hơi ngả về phía trước, chân trong co gập, chân ngoài chống thẳng. Điểm xuyết quanh mỗi người là một vài dải uốn lượn bay ra. Người nào cũng bó tóc trên chỏm đầu và tuy được thể hiện nhỏ bé (cao xấp xỉ 7cm), nhưng mọi chi tiết như mắt, mũi, mồm... đều rõ; yếm, váy được thể hiện cả hoa văn, chân đi hài cao, mũi với gót có túm lông chải lượn dài... Đây là hình các Gandharvas, sống ở cung trời Đế Thích, đã đem âm thanh huyền diệu mà tôn vinh Phật pháp, hình thức biểu ý trên ở mảng chạm đã đồng nhất với sự hướng tới chiếc lá đề của các nhạc sĩ này.

- *Các viên gạch*: Hiện nay ở khu chùa còn lưu lại một số viên gạch có in dòng chữ "Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo" hoặc "Lý gia đệ tam đế Chương Thánh Gia Khánh thất niên tạo". Những viên gạch này có kích thước trung bình dài 38 cm, rộng 21 cm, dày 5 cm, các chữ Hán được in nổi thành hai dòng ở giữa mặt trong một khung chìm hình chữ nhật, gạch có độ nung vừa phải và có màu đỏ không đồng đều. Ngoài ra, trong khu vực chùa còn có các viên gạch không có chữ, một loại to và một loại nhỏ. Loại nhỏ có kích thước dài 37 cm, rộng 19 cm, dày 4,5 cm. Loại to chiều dài bị vỡ lên không có số đo chính xác là bao nhiêu, mà chỉ đo được chiều rộng là 23 cm và dày 6 cm. Cũng tại đây hiện còn bảo lưu được một số hiện vật thời Lý, như đầu rồng bằng đá, ngói ống có trang trí chim phượng, một số đồ gốm...

Như vậy, có thể khẳng định rằng, chùa Phật Tích là công trình văn hoá tín ngưỡng Phật giáo có quy mô to lớn, với nhiều hiện vật tiêu biểu của thời Lý (thế kỷ XI).

2 - *Chùa Dạm* có tên chữ là Đại Lãm tự, nằm trên núi Dạm thuộc địa phận thôn Tự, xã Nam Sơn, huyện Quế Võ (Bắc Ninh). Chùa do Nguyên phi Ý Lan cho dựng, trong chùa có nhiều công trình nguy nga đồ sộ, xếp vào hàng Đại danh lam kiêm hành cung. Theo các sách sử thì chùa Dạm bắt đầu khởi công

từ mùa đông năm 1086, đến mùa hạ năm 1094 mới hoàn thành.

Hiện nay, các lớp mặt nền vẫn còn, khá rộng phẳng, thành nền bó đá khối vững chãi, trên nền chính có hai khu đất vuông - tròn cân nhau được kè lại bằng đá chạm hình sóng nước làm nền cho cột đá chạm rồng, ngoài ra là các chân tảng đá mài, mặt chạm đài sen... tất cả là bằng chứng xác thực của một công trình kiến trúc lớn của thời Lý.

Toàn bộ chùa gồm có bốn tầng nền phẳng, với tổng diện tích khoảng 8.000 m², chiều sâu mỗi tầng khoảng 65 m, rộng 120 m các bờ kè thành của mỗi tầng cao khoảng 6 m, được xếp bởi những khối đá lớn hình hộp chữ nhật.

Tầng nền thứ nhất, còn gọi là Bãi Hội. Trước đây cứ vào ngày mùng 8 tháng Chín (Âm lịch) dân 18 xã của huyện Võ Giàng lại rước lễ tập trung tại bãi này.

Tầng nền thứ hai có ba lối đi lên, lối ở giữa rộng khoảng 5 m, hai lối nhỏ nằm ở 2 bên rộng khoảng 3 m cũng được bố trí bậc cấp bằng đá. Ở hai bên của cửa giữa có 2 u đất đối nhau, được kè xung quanh bằng đá chạm sóng thời Lý quen thuộc. Ở bên phải hình vuông, mỗi cạnh dài 7 m, cao gần 2 m, còn giữ được vòng đá kè rất tốt. Những hoa văn sóng hình nắm rất lớn. Ở bên trái chùa hình tròn cũng được kè đá chạm sóng chính giữa ở được dựng một cột đá lớn liền khối cao khoảng 5 m. Cột này thông thường còn được gọi là "cột biểu". Đây là một di vật đặc biệt của đương thời, cần phải được minh giải. Tạm thời, chúng tôi đưa ra một vài nhận xét như sau:

Cột nằm ở phía ngoài bên trái cấp nền thứ 2. Bệ cột là một nền tròn, với đường kính 4,5 m, cao xấp xỉ 1 m, xung quanh bó đá tảng. Chân các viên đá tảng được gọt cong hình vỏ măng, lồi hẳn ra, nối nhau, hợp thành một đế nổi khối chắc chắn. Mặt đứng của các viên đá được chạm hai loại "sóng" đối nhau. Lớp dưới là sóng nước với các đường cong lượn song hàng. Lớp trên là "sóng" hình nắm theo kiểu thót thân xoè tán, chân mở rộng nối nhau, cứ giữa hai ngọn lớn lại nhô lên ngang hàng một ngọn phụ. Chính giữa nền bệ là chiếc cột với hai phần rõ rệt. Nửa dưới theo hình khối hộp đứng, cạnh ở chân hơn kém

nhau chút ít (1,4 m và 1,6 m). Lên cao khoảng 1,8 m góc đứng của cột được gọt trở thành một đế tròn cao gần 0,4 m, như làm bệ đỡ cho phần trên.

Phần trên là một khối trụ không tròn hẳn, theo kiểu "thượng thu hạ thác" cao khoảng 1,95 m có đường kính dưới xấp xỉ 1,3 m. Bao quanh mặt phía dưới khối trụ (chiếm độ cao khoảng gần 1m) là đôi rồng được chạm nổi khối, ngoắc đuôi nhau rồi chạy từ sau ra trước. Phía trên, gần đầu cột, người ta khoét một số lỗ nông hình cửa vòm cuốn với kích thước to nhỏ không đều nhau. Về hình thức, qua đối sánh với tạo hình của các nước trong vùng và qua huyền thoại, chúng ta tạm có thể đưa ra một giả thiết để làm việc: Cột đá này là biểu tượng một Linga, tượng trưng cho sức mạnh sáng tạo - truyền thuyết Ấn Độ có kể rằng: Vishnou và Brahma đã cãi nhau để giành quyền ai sáng tạo ra thế giới. Lúc đó, đột nhiên xuất hiện một cây cột đen rực lửa. Do không hiểu, nên hai thần bèn quyết tìm đến cội nguồn. Brahma biến thành thiên nga bay lên và Vishnou biến thành lợn lội đào xuống. Cuối cùng cả hai đều không tới được đích, trở về gặp nhau cùng sụp lạy cột. Lúc đó, thân cột nứt ra, và Siva xuất hiện. Ngài bảo rằng, các thần chỉ là những hoá thân của một thực thể tuyệt đối, đó là Siva vĩnh cửu. Sau đó, các thần đã dùng phép thuật để ẩn mình vào chính cột đó. Phần gốc là nơi của Brahma, phần giữa là nơi của Vishnou và phần trụ trên cùng là nơi của Siva. Như vậy, cây cột/linga đã là biểu tượng về "Tam vị nhất thể".

Trở lại cột chùa Dạm, chỉ với hình thức thôi, chúng ta thấy nó như đã hội đủ những ý nghĩa nêu trên. Kiểu cách tạo dáng vuông tròn không đơn giản là ý nghĩa trời đất, mà ở đó còn như chứa đựng về nơi của các vị thần. Đỉnh cột tròn là nơi của tối thượng thần Siva, ở đó chứa đựng những siêu lực vũ trụ có sức tác động tới nảy sinh và huỷ diệt... trên phần thân của trụ tròn là đôi rồng cùng nâng hai chiếc "lá đề". Rồng chỉ ở thấp hơn đỉnh cột chút ít (khoảng 0,90 m). Chúng ta đã thấy ở thời Lý (trong điều kiện hiểu biết hiện nay), chỉ các di tích nào gắn với vua, mới được chạm rồng, vì rồng là một biểu tượng gắn với nhà vua. Trong bố cục ở cột chùa Dạm, con

rồng thể hiện ra trên phần trụ tròn, nó như một biểu hiện hữu hình của tối linh thần. Và, qua đây chúng ta như thấy có một sự cố ý đồng nhất thần linh với vua, để biểu hiện cho một uy quyền tuyệt đối. Suy cho cùng, cột chùa Dạm như một biểu vật cụ thể phản ánh sự trở về cội nguồn Đông Nam Á của dân tộc Việt, một minh chứng cho ý thức giải Hoa dưới triều Lý (ở mặt tư tưởng). Có thể nói, cột chùa Dạm là một linga lớn nhất trên toàn cõi nước Việt hiện nay và mang một giá trị nghệ thuật cao.

Tầng nền thứ ba có hai lối lên, thẳng với hai lối phụ ở tầng 2. Vào năm 1996, trên nền này dân địa phương đã dựng lại một căn chùa nhỏ với ba gian đơn giản.

Nằm phía sau bên trái chùa có một giếng đá nhỏ gọi là Giếng Bống - liên quan đến Nguyên phi Ý Lan và tích truyện Tấm Cám, gần đó hiện còn một số chân tảng hình vuông, trên mặt chạm đài sen tròn (đường kính trung bình 50 cm). Ngoài ra, còn có nhiều phế tích đất nung như các mảnh hình rồng, uyên ương... Chúng ta có thể thấy, tầng nền thứ 3 này là địa điểm tập trung những công trình chính của ngôi chùa.

Tầng nền thứ tư cũng đi lên theo hai lối như tầng thứ 3. Hiện nay, có một ngôi đền nhỏ ba gian kiến trúc đơn giản, trên bờ nóc đắp ba chữ Hán "Thánh Mẫu từ", trong đền còn lưu được hai pho tượng gỗ có niên đại muộn, đó là tượng của Nguyên phi Ý Lan đặt ở ban thờ chính và tượng Trần Nhân Tông ở ban thờ bên.

Nhìn chung, chùa Dạm dưới thời Lý đã được xây dựng với quy mô khá lớn, bốn lớp nền vươn theo sườn núi lên cao dần. Các nhà kiến trúc thời đó đã tìm thấy ở thiên nhiên và lợi dụng thiên nhiên để nhấn mạnh vẻ đẹp của công trình. Chùa Dạm đã là một nơi tập trung trí tuệ của dân tộc ta.

Qua hai công trình kiến trúc điển hình này, chúng ta như được sống lại trong cái nổi hào khí trong sự thống nhất toàn tâm toàn lực của dân tộc. Đây là một minh chứng về một thành quả sáng tạo vĩ đại của người Việt ở đương thời, của nền nghệ thuật mang tính nhân văn sâu sắc, một đỉnh sáng của di sản văn hoá dân tộc./